TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 36/2017/DS-ST
Ngày 26 tháng 10 năm 2017
"V/v tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp hợp đồng"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Anh và bà Nguyễn Thị Chinh.
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung, thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Giản Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2016/TLST - DS ngày 06 tháng 10 năm 2016 về việc tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2017/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Văn H (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Phạm T và bà Cao Thị Kim A (Đều có mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm T: Bà Cao Thị Kim A (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị M (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người làm chứng:

1. Ông Phan H (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Văn Đức B (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Anh Phạm Công T (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 8 năm 2016 (Đã được sửa đổi ngày 06 tháng 10 năm 2016) và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Văn H (H) trình bày: Gia đình ông có thửa đất giáp ranh với thửa đất của ông Phạm T (T) và bà Cao Thị Kim A (A). Trong quá trình sử dụng, ông T và bà A đã dùng phương tiện cơ giới múc đất làm sạt lở thửa đất của gia đình ông với diện tích 446.8m2 và chặt của ông 43 cây cà phê, 01 cây sầu riêng. Mặc dù tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân xã giải quyết nhưng không thành. Xét thấy quyền lợi của gia đình ông bị xâm hại, vì vậy ông khởi kiện buộc ông T và bà A trả lại nguyên trạng thửa đất (Đổ đất lại cho ông) và bồi thường thiệt hại 43 cây cà phê, 01 cây sầu riêng.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 10 năm 2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phạm T (T) và bà Cao Thị Kim A(A) trình bày: Năm 2015, ông bà có mời cán bộ địa chính xã là ông Phan H (tên thường gọi là Đ) đến để cắm mốc phân định ranh giới hai thửa đất với sự chứng kiến của ông Văn H, anh Văn Đức B (B) và bà Phạm Thị M (M). Các bên đã dùng cọc để xác định mốc giới trên thực địa. Sau đó, ông bà cho anh Văn Đức B (B) chặt cây cà phê, rồi ông bà múc đất để san lấp mặt bằng. Ông bà khẳng định là ông bà cho anh B chặt cà phê ở phần đất của ông bà, chứ không cho chặt cà phê cũng như sầu riêng bên phần đất của ông H. Đồng thời ông bà múc đất cách đường ranh khoảng 01m. Ông bà không làm sạt lở đất của ông H mà do ông H dùng xẻng đào và vòi nước xả cho lở (Đã có video kèm theo). Đến nay, ông bà đã xây dựng tường rào giáp ranh trên phần đất của ông bà và cách đường ranh (Đã được địa chính xã và các bên gia đình xác định) trung bình 40 đến 50cm. Việc khởi kiện của ông Văn H là không có căn cứ, nên ông bà không chấp nhận.

Tại bản tự khai ngày 31 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị M (M) trình bày bà là vợ của ông H. Hiện nay, bà và ông H đang sở hữu thửa đất có tranh chấp với ông T và bà A. Việc tranh chấp diễn ra như thế nào thì bà không biết vì bà đang ở xa, nên bà không khởi kiện và cũng không có ý kiến gì. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xin giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 8 năm 2017, ông Phan H (tên thường gọi là Đ) trình bày sau khi nhận được đơn yêu cầu của ông T và bà A, ông cùng các bên gia đình, trong đó có ông Văn H, tiến hành đo đạc cắm mốc, phân định ranh giới hai thửa đất của gia đình ông T, bà A với gia đình ông H, bà M. Trong quá trình đo đạc và cắm mốc, các bên không ai có ý kiến gì. Sau đó, gia đình ông T, bà A có chặt cây và múc đất như thế nào thì ông không biết.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 8 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Văn Đức B (B) trình bày anh là người chặt cây cà phê của ông T, bà A. Anh chặt các cây cà phê bên phần đất của ông T, bà A (Chặt phía bên trong các cột mốc đã được địa chính xác định) chứ anh không chặt sang phần đất của ông H và bà M, còn cây sầu riêng là do sét đánh chết.

Tại bản tự khai ngày 30 tháng 11 năm 2016 và tại phiên tòa, anh Phạm Công T (T) trình bày sau khi cán bộ địa chính xã và hai bên gia đình thực hiện việc cắm mốc thực địa phân định ranh giới giữa hai thửa đất của hai bên gia đình, thì anh dùng máy múc múc đất.

Anh múc phần đất của ông T, bà A và cách giáp ranh hai thửa đất trung bình là 30cm đến 50cm. Trong quá trình anh múc, anh không làm sạt lở đất của ông H và cũng không có ai có ý kiến gì.

Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 603.381, thuộc thửa đất 260, tờ bản đồ 24, địa chỉ thửa đất: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Văn H ghi nhận hộ ông Văn H sử dụng thửa đất có diện tích 3.614,0m2.

Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 600.675, thuộc thửa đất 102, tờ bản đồ 24, địa chỉ thửa đất: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm T và bà Cao Thị Kim A ghi nhận ông T và bà A sử dụng thửa đất có diện tích 5.460,0m2.

Tại bản trích đo địa chính thửa đất ngày 08 tháng 9 năm 2017, của Chi nhánh công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc – Tư vấn nông, lâm nghiệp Đắk Lắk thể hiện: Diện tích hiện trạng sử dụng của hộ ông H là 4.726,7m2 – 98,3m2 (Ăng ten) = 4.628,4m2. Diện tích hiện trạng sử dụng của bà H (ông T và bà A) là 5.378,5m2. Phần diện tích sạt lở có tổng diện tích là 146,8m2 (17,2 m2 + 129.6m2).

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18 tháng 8 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xác định: Hiện trạng giáp ranh của hai thửa đất đã được xây dựng tường rào. Vị trí tường rào nằm trên phần đất của ông T, bà A, được xây dựng song song và cách giáp ranh trung bình 40cm (Các cột mốc giáp ranh vẫn còn tồn tại). Bên phần thửa đất của ông T, bà A một phần là đất trống, còn một phần đã trồng tiêu. Bên phần thửa đất của hộ ông H một phần bị sạt lở, một phần đang còn tồn tại cà phê (Hàng cây cà phê được trồng trên phần đất của hộ ông H và trồng song song, cách tường ranh trung bình từ 01 đến 1,5m - Cà phê kinh doanh).

Tại biên bản định giá tài sản ngày 31 tháng 8 năm 2017, của Hội đồng định giá trong tố tụng huyện K, tỉnh Đắk Lắk kết luận định:

1. Giá trị san lấp mặt bằng đối với phần diện tích bị sạt lở:

+ Định giá theo đơn khởi kiện của ông Văn H: Phần đất cần phải đổ là 446,8m2 x 2m = 893m3. Tương đương với 50 xe, loại 18m3 x 1.000.000đ/xe = 50.000.000đ; Tiền công san lấp mặt bằng: 127 công x 220.000đ = 27.940.000đ.

+ Định giá theo diện tích thực tế đã được Chi nhánh công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc – Tư vấn nông, lâm nghiệp Đắk Lắk đo đạc: Phần đất cần phải đổ 146,8m2 x 2m = 294,4m3. Tương đương với 16 xe, loại 18m3 x 1.000.000đ/xe = 16.000.000đ. Tiền công san lấp mặt bằng 42 công x 220.000đ/công = 9.240.000đ.

2. Giá trị 01 cây sầu riêng và 43 cây cà phê theo sự mô tả của ông Văn H là cây sầu riêng ghép, loại Thái (Donal), trồng năm 1994, loại A có giá: 4.300.000đ. 30 cây cà phê loại A có giá là 9.588.000đ, 13 cây loại B có giá 3.324.000đ.

Tại phiên tòa, ông H, anh B, chị T đều thừa nhận người đang dùng xẻng để đào đất và dùng vòi nước để xịt làm cho đất sạt lở được ghi trong đoạn video là ông Văn H. Tuy ông H không yêu cầu Tòa án giám định đối với hình ảnh nói trên, nhưng ông yêu cầu ông T, bà A dùng tay hoặc xô để đổ đất (Trả lại nguyên trạng thửa đất), chứ không được dùng xe múc để đổ. Đồng thời ông yêu cầu ông T, bà A bồi thường giá trị 43 cây cà phê và 01 cây sầu riêng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk sau khi phát biểu ý kiến đã khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; người tham gia tố tụng dân sự chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

1.1. Trong quá trình sử dụng đất, ông T và bà A múc đất, chặt cà phê để chuyển đổi mục đích sử dụng thì phát sinh tranh chấp. Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa buộc ông T, bà A phải khôi phục hiện trạng đất và bồi thường cây trồng. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là:*"Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"* được quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Ông H làm đơn khởi kiện đúng quy định và có nộp tiền tạm ứng án phí. Ông T, bà A có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35, 39 và khoản 3 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng các đương sự và người làm chứng không có mặt để tham gia phiên đối chất, phiên hòa giải và tại phiên tòa vắng mặt mà không có lý do, cho nên Tòa án căn cứ các Điều 227 và Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

3.1. Đối với yêu cầu khởi kiện của H về việc yêu cầu ông T, bà A khôi phục lại hiện trạng đất, thì HĐXX thấy rằng: Mặc dù ông T, bà A có múc đất nhưng ông bà múc ở phần đất của mình và cách giáp ranh của hai thửa đất là 30cm đến 40 cm. Ông bà không làm sạt lở đất của ông H. Nhưng lợi dụng vấn đề đó, ông H dùng xẻng đào và dùng vòi nước xịt làm cho đất sạt lở (Đã được ghi hình - Vi deo). Mặc khác thửa đất ông H hiện nay sử dụng có diện tích lớn hơn so với diện tích được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngược lại thửa đất của ông T và bà A đang sử dụng lại nhỏ hơn so với diện tích được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy phần đất của ông H bị sạt lở là không phải do lỗi của ông T và bà A gây ra.

3.2. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu ông T, bà A bồi thường trị giá 43 cây cà phê và 01 cây sầu riêng, thì HĐXX xét thấy: Hiện nay, các cột mốc giáp ranh của hai thửa đất vẫn còn tồn tại và song song với tường ranh do ông T, bà A xây dựng (Cách giáp ranh hai thửa đất trung bình là 40cm). Các bên không có tranh chấp gì về diện tích đất đang sử dụng. Bên phần đất của ông H vẫn còn tồn tại hàng cây cà phê và cách cây tường ranh từ 01m đến 1,5m. Như vậy hàng cà phê cách giáp ranh của hai thửa đất trung bình 0,6m đến 1,1m. Tại phiên tòa, ông H cũng khẳng định hàng cây cà phê của ông cách giáp ranh là

khoảng 1m. Nhưng thực tế mỗi hàng cà phê trồng cách nhau ít nhất từ 03m đến 04m, thì không thể có hàng cây thứ hai nằm sát phần giáp ranh của hai thửa đất được. Hơn nữa anh B là con trai của ông H cũng khẳng định là anh chặt cây cà phê bên phần đất của ông T, bà A chứ không chặt bên phần đất của ông H, còn cây sầu riêng là do sét đánh chết, chứ anh không chặt.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở để khẳng định là không có việc ông T, bà A làm sạt lở đất của ông H mà do ông H tự làm sạt lở và không có việc ông T, bà A cho anh B chặt cây cà phê và sầu riêng của ông H, cho nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc: Do yêu cầu của ông Văn H không được chấp nhận, vì vậy ông Văn H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc đối với số tiền là 9.111.000đ. Ông Văn H đã nộp đủ, không phải nộp bổ sung.

[5]. Về chi phí định giá tài sản: Vì yêu cầu của ông Văn H không được chấp nhận, cho nên ông Văn H phải chịu chi phí định giá tài sản đối với số tiền là 1.800.000. Ông Văn H đã nộp đủ, không phải nộp bổ sung.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Văn H không được Tòa án chấp nhận và ông Văn H không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí, vì vậy ông Văn H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch là 95.152.000đ x 5% = 4.757.600đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147; 157; 158; 165; 166; 227; 229; 235; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 604 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 584 của Bộ luật dân sự năm 2015 ;
- Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Áp dụng Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Văn H về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm T và bà Cao Thị Kim A phải trả lại nguyên trạng thửa đất, bồi thường thiệt hại 43 cây cà phê và 01 cây sầu riêng.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc: Ông Văn H phải chịu 9.111.000đ. Ông Văn H đã nộp đủ, không phải nộp bổ sung.

3. Về chi phí định giá tài sản: Ông Văn H phải chịu 1.800.000đ. Ông Văn H đã nộp đủ, không phải nộp bổ sung.

4. Về án phí: Ông Văn H phải chịu 4.757.600đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 5.225.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/ 0038484 ngày 20 tháng 9 năm 2016. Trả lại cho ông Văn H số tiền 467.400đ.

5. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG